

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1824/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1929/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị A, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị A trình bày: Chị và anh Trần Minh T được mai mối nên quen biết nhau. Hai bên tìm hiểu được 02 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với cha mẹ chồng. Thời gian sống chung vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T xúc phạm đến danh dự của chị và gia

đình chị. Giữa chị và mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, do điều kiện kinh tế khó khăn nhưng anh T không đưa tiền để chị lo cho con nên chị đã chuyển về nhà cha mẹ chị sinh sống được 02 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T .

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Bảo L, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2018. Hiện nay cháu L đang sống với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị A được ly hôn, giao con chung cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Trần Minh T là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Minh T vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Chị Lê Thị A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A, anh T .

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị A cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này và kết quả xác minh của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Trần Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 5 năm 2017 tại UBND xã Thành Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên hôn nhân giữa chị A, anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị A yêu cầu ly hôn vì lý do anh T không có trách nhiệm, không chăm lo đời sống kinh tế của gia đình. Ngoài ra anh T còn có hành vi xúc phạm chị và gia đình chị. Hội đồng xét xử xét thấy lý do mà chị A trình bày tuy chưa là chứng cứ

vẫn chắc nhưng thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân 02 năm và hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị A được ly hôn anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Trần Bảo L, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2018. Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy từ khi sống ly thân đến nay, cháu L vẫn do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng và chị A vẫn đảm bảo để cháu được phát triển bình thường. Mặt khác cháu L chưa đủ 03 tuổi nên việc giao con cho chị A chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị A, anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Trần Minh T.

2. Giao con chung là cháu Trần Bảo L, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2018 cho chị Lê Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Lê Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000746 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã T, tp.P, tỉnh Ninh Thuận (Số 42/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên